

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản. Nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện điều kiện sống của người nghèo. Ưu tiên giảm nghèo các xã có lộ trình phấn đấu xây dựng nông thôn mới; chú trọng công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động. Huy động nguồn lực hỗ trợ nhà ở và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt

a) Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm còn 2,79%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 3% trở lên, tỷ lệ hộ nghèo tại các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao trên 25% giảm từ 4% trở lên (đính kèm Phụ lục phân bổ chỉ tiêu giảm nghèo các địa phương năm 2023).

b) Hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản như: đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi.

c) Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

d) Hỗ trợ tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm tại địa phương, trong tỉnh, trong nước và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số có nhu cầu.

đ) Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực giảm nghèo cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.

2.2. Các chỉ tiêu giảm thiểu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

a) Việc làm

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- Tối thiểu 1.200 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%; có khoảng 2.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (ít nhất 70% hộ gia đình có người đi làm việc ở nước ngoài sẽ thoát nghèo). Hỗ trợ khoảng 80 người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ trước khi đi làm việc ở nước ngoài.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

b) Y tế

100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế.

c) Giáo dục

- Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi trên 95%.

- Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 70%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

d) Nhà ở

Phân đầu tối thiểu 1.310 hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

đ) Nước sinh hoạt và vệ sinh

95% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 70% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

e) Thông tin

- Phân đầu 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng dịch vụ viễn thông, internet.

- 80% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các sản phẩm truyền thông.

II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm nhiệm vụ và giải pháp chung

a) Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng; chỉ đạo, điều hành của chính quyền, phối hợp thực hiện của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, phát huy vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan trong triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững.

b) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về nghèo đa chiều, về mục tiêu giảm nghèo bền vững; thực hiện thường xuyên các hoạt động truyền thông, chú trọng công tác truyền thông dựa vào cộng đồng, phát huy vai trò gương điển hình, hộ tiên phong về giảm nghèo, tự vươn lên; triển khai đa dạng, phong phú các hình thức tuyên truyền như: đối thoại chính sách, hội thảo, tọa đàm, in ấn, phát hành tài liệu (tờ rơi, tờ gấp, sổ tay,...) về công tác giảm nghèo (đến tận xã/thôn). Xây dựng, phát triển mạng lưới cán bộ tuyên truyền, báo cáo viên giảm nghèo từ cấp tỉnh đến cấp xã.

c) Tăng cường công tác quản lý nhà nước; hoàn thiện tổ chức bộ máy và cơ chế điều hành.

- Tiếp tục kiện toàn, hoàn thiện tổ chức bộ máy làm công tác giảm nghèo các cấp, phân công nhiệm vụ và địa bàn phụ trách cụ thể để chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo. Bồi dưỡng, tập huấn, trang bị kiến thức, kỹ năng quản lý, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.

d) Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo

- Các cấp, các ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững; phân công cụ thể nhiệm vụ, tăng cường phân cấp để chủ động lập kế hoạch, quản lý điều hành và tổ chức thực hiện.

- Triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo; chú trọng lồng ghép, ưu tiên thực hiện các dự án có tính liên kết chuỗi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn.

đ) Tổ chức đào tạo, tập huấn; theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác giảm nghèo bền vững.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ phụ trách công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp xã; tổ chức tốt công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng hợp báo cáo tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Phân công cụ thể cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên theo dõi, phụ trách để chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ các đối tượng; tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng người dân tham gia thực hiện và kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện công tác giảm nghèo.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện, kịp thời biểu dương, khen thưởng, động viên cá nhân, tập thể điển hình, gương mẫu trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững.

e) Huy động nguồn lực thực hiện công tác giảm nghèo bền vững: Tăng cường huy động các nguồn lực để thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo. Tiếp tục thực hiện tốt các phong trào, cuộc vận động giúp đỡ người nghèo do các cấp, các ngành, hội, đoàn thể và các nhóm thiện nguyện, nhà hảo tâm trong xã hội phát động; nâng cao hiệu quả công tác kết nghĩa giúp đỡ huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin quản lý hộ nghèo: Ứng dụng công nghệ thông tin quản lý hồ sơ hộ nghèo, hộ cận nghèo hợp lý, khoa học. Hoàn thiện việc xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo toàn tỉnh giúp thực hiện công tác giảm nghèo theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch và giảm nghèo theo địa chỉ.

2. Nhóm nhiệm vụ và giải pháp giảm thiểu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

a) Việc làm

- Thực hiện khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn.

- Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn. Khuyến khích, ưu đãi các doanh nghiệp mở rộng hoạt động ở các xã đặc biệt khó khăn; hỗ trợ, tạo điều kiện, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, làng nghề, cơ sở dân doanh ổn định phát triển sản xuất nhằm duy trì việc làm ổn định, tạo việc làm tại chỗ ở địa phương.

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại các địa phương có xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và cơ sở đào tạo nghề cho người khuyết tật; tổ chức đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp. Ưu tiên lao động nông thôn, lao động là người có công với cách mạng, người khuyết tật, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm.

- Khuyến khích tổ chức đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; đào tạo nghề phù hợp với cơ cấu lao động, cơ cấu ngành nghề của địa phương, ưu tiên đào tạo các nghề có thể tự tạo việc làm tại chỗ, nghề có nhu cầu cao, có khả năng tìm được việc làm tại địa phương, trong tỉnh, trong nước và tham gia thị trường lao động quốc tế.

- Triển khai thực hiện các chính sách về việc làm nhằm phát triển kinh tế, thu hút đầu tư để tạo việc làm cho lao động tại địa phương, nhất là lao động thời vụ nông nhân, lao động không có cơ hội tiếp cận với thị trường lao động khác; hỗ trợ chi phí học nghề, vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Y tế

- Hỗ trợ phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên

địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển; cải thiện chất lượng bữa ăn học đường, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; giáo dục bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

- Triển khai cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo. Sử dụng hiệu quả Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo của tỉnh.

- Khuyến khích đội ngũ y, bác sỹ về làm việc ở tuyến cơ sở. Đầu tư cơ sở vật chất cho các trạm y tế, lồng ghép với thực hiện chuẩn quốc gia về y tế, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ y tế.

c) Giáo dục

- Triển khai thực hiện có hiệu quả, kịp thời các chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên, học viên hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và quy định về chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Tuyên truyền, hướng dẫn và tạo mọi điều kiện cho học sinh, sinh viên đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn tiếp cận chính sách tín dụng theo quy định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

d) Nhà ở

- Thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo A Lưới; huy động sự chung tay góp sức của tất cả các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp và xã hội, đặc biệt là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, nhằm hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên toàn tỉnh.

- Thực hiện chính sách xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư nhà ở xã hội từ các thành phần kinh tế để thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho người nghèo, người có thu nhập thấp, người có công trên địa bàn tỉnh; quy hoạch điểm dân cư nông thôn theo Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ tái định cư các khu dân cư thuộc diện di dời, sạt lở đảm bảo ổn định đời sống nhân dân.

đ) Nước sinh hoạt và vệ sinh

- Thực hiện chính sách đầu tư công trình phục vụ nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho người dân trên địa bàn huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển; thực hiện chính sách đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn; hỗ trợ hộ nghèo đầu nối đồng hồ nước để tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh.

- Huy động tối đa nguồn lực, thực hiện lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt và hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh cho người nghèo. Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư, xây dựng, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực dịch vụ cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường.

e) Thông tin

- Đào tạo, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông ở cơ sở.

- Huy động hỗ trợ phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở, đồn biên phòng để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội; thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới.

- Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về khoa học - kỹ thuật, các kinh nghiệm, các gương điển hình trong hoạt động sản xuất, gương vượt khó vươn lên thoát nghèo; cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới.

3. Các nhiệm vụ và giải pháp khác

a) Hỗ trợ hộ nghèo người có công cách mạng và hộ nghèo không có khả năng lao động

- Lòng ghép nguồn lực, ưu tiên hỗ trợ xóa các chiều thiếu hụt về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin... Hướng dẫn, hỗ trợ học nghề, tạo việc làm phù hợp đối với những lao động có khả năng lao động hoặc lao động bổ sung đến tuổi để xóa chiều thiếu hụt về việc làm.

- Thực hiện các chính sách đặc thù của tỉnh và huy động nguồn lực hỗ trợ của các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp và xã hội để chăm lo, hỗ trợ xóa nghèo theo từng trường hợp cụ thể.

b) Nhân rộng mô hình giảm nghèo

- Xây dựng, nhân rộng mô hình giảm nghèo theo hướng liên kết giữa hộ nghèo, nhóm hộ nghèo với các doanh nghiệp nhằm tạo và nâng cao lợi nhuận cho người nghèo thông qua sự hỗ trợ vốn, kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp.

- Khảo sát, đánh giá các mô hình, dự án hỗ trợ khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư đã triển khai trên địa bàn, tiếp tục nhân rộng các mô hình, dự án có hiệu quả, phù hợp với hộ nghèo, hộ cận nghèo và điều kiện, đặc thù của địa phương, tạo điều kiện, cơ hội cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo bền vững.

c) Hỗ trợ vay vốn tín dụng

- Rà soát, nắm lại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đáp ứng điều kiện, có nhu cầu vay vốn và sử dụng vốn vay có hiệu quả theo quy định tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi để vay vốn mua sắm vật tư, thiết bị, giống cây trồng, vật nuôi; thanh toán các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh, tự tạo việc làm, tăng thu nhập; hoặc để giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, điện thắp sáng, nước sạch và học tập.

- Hướng dẫn, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo lập phương án sản xuất, kinh doanh để vay vốn; tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn sử dụng nguồn vốn vay hiệu quả.

- Phát huy vai trò các tổ chức nhận ủy thác vay vốn và các tổ tiết kiệm vay vốn của các tổ chức chính trị - xã hội. Đảm bảo nguồn vốn cho vay, thu nợ đúng kỳ hạn, quay vòng vốn nhanh và có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ nghèo có điều kiện tiếp cận được các nguồn vốn vay.

d) Khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư

- Nâng cao năng lực, có cơ chế sử dụng, hỗ trợ phù hợp cho đội ngũ khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư ở cơ sở.

- Triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ trực tiếp vốn, vật tư nông nghiệp cho người nghèo. Tổ chức hội nghị đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, phổ biến kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo tổ chức nuôi, trồng, sản xuất, kinh doanh hiệu quả, hợp lý.

đ) Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo

Tiếp tục hỗ trợ trực tiếp tiền điện sinh hoạt cho hộ nghèo, hộ không có khả năng lao động với điều kiện và mức hỗ trợ theo quy định.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch năm 2023 được phân bổ từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, trong đó: ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2023 là 296,088 tỷ đồng, ngân sách địa phương đảm bảo tối thiểu 15% kinh phí đối ứng theo quy định.

2. Kinh phí thực hiện một số chính sách trực tiếp cho hộ nghèo/người nghèo, hộ cận nghèo/người cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thực hiện theo quy định.

3. Các nguồn huy động hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các địa phương chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch nhằm đạt mục tiêu đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các địa phương tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách thực hiện một số chính sách đặc thù của Đề án Giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025.

- Chủ trì, hướng dẫn, triển khai thực hiện Dự án 1, Dự án 2, Dự án 4, Tiêu dự án 2 của Dự án 6, Dự án 7 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Chia sẻ cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo cho các cơ quan, đơn vị liên quan để phục vụ công tác triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến Chương trình.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành và các địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép các hoạt động của Kế hoạch giảm nghèo bền vững vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tổng hợp, xây dựng chỉ tiêu giảm

nghèo trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia gắn với việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

3. Sở Tài chính

- Hằng năm, trên cơ sở dự toán kinh phí do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp từ các cơ quan, đơn vị và các địa phương liên quan (*đã bao gồm kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương theo quy định*) và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giám sát, kiểm tra, hướng dẫn sử dụng nguồn kinh phí giảm nghèo đúng mục đích, có hiệu quả.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3; chủ trì, hướng dẫn, triển khai thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông, lâm, ngư; phát triển các ngành nghề nông thôn; chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; hỗ trợ xây dựng các mô hình chuyên giao tiến bộ kỹ thuật, mô hình chuyên canh theo hướng sản xuất hàng hóa để người nghèo dễ tiếp cận và tham gia.

- Bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ khuyến nông cơ sở trong việc giúp đỡ, hướng dẫn các hộ gia đình vay vốn, sử dụng nguồn vốn, tổ chức sản xuất.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đảm bảo các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới ưu tiên những xã có tỷ lệ hộ nghèo cao. Thực hiện lồng ghép các chương trình của ngành với chương trình giảm nghèo bền vững.

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan chủ quản Chương trình để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

5. Sở Xây dựng

- Chủ trì thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện A Lưới và các chính sách hỗ trợ nhà ở khác (nếu có).

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan chủ quản Chương trình để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

6. Sở Y tế

- Chủ trì, trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3.

- Chủ trì thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe cho người nghèo. Đẩy mạnh công tác truyền thông về kế hoạch hóa gia đình cho các hộ nghèo. Chủ động phối hợp tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế, phối hợp quản lý và sử dụng hiệu quả Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo. Thực hiện việc lồng ghép các chương trình của ngành với chương trình giảm nghèo.

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan chủ quản Chương trình để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo về thông tin. Bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ thông tin ở cơ sở tại địa phương. Phát triển mới, duy trì các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới.

- Thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã. Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ sản xuất, biên tập phát sóng, phát hành, chuyển tải, lưu trữ, quảng bá, phục vụ người đọc sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, các chương trình phát thanh truyền hình để phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm, gương điển hình về giảm nghèo.

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan chủ quản Chương trình để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đất đai; thực hiện các giải pháp hạn chế tác động của biến đổi khí hậu đến người nghèo, đối tượng yếu thế.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì thực hiện các giải pháp đảm bảo tỷ lệ huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi; nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Hướng dẫn thực hiện chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ; phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh xây dựng cơ chế khuyến học, khuyến tài cho học sinh nghèo.

10. Sở Tư pháp

Chủ trì tiếp tục thực hiện hiệu quả tổ chức trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh và các hỗ trợ pháp lý liên quan đến người nghèo, các đối tượng chính sách khác. Nâng cao năng lực và hiệu quả của các tổ tư vấn và trợ giúp viên pháp lý.

11. Sở Văn hóa và Thể thao

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện chính sách đưa văn hóa về cơ sở, ưu tiên hỗ trợ người nghèo tiếp cận văn hóa, thông tin, nâng cao đời sống tinh thần, nhất là các địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao, xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu vùng xa.

12. Cục Thống kê tỉnh

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức điều tra và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều; hướng dẫn về nghiệp vụ điều tra và xử lý báo cáo dữ liệu thực trạng nghèo của tỉnh.

13. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế thực hiện cấp thẻ Bảo hiểm y tế kịp thời cho người nghèo, người cận nghèo, người dân sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn; người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng khó khăn; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

14. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức quản lý, đảm bảo nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách vay theo quy định.

15. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình, dự án, đề án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu tác động giảm nghèo bền vững.

16. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; ưu tiên các nguồn lực cho công tác giảm nghèo; xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2023; chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực và ưu tiên phân bổ nguồn vốn cho các xã, thôn có tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao; bố trí một phần ngân sách địa phương để hỗ trợ thực hiện, hoàn thành các mục tiêu giảm nghèo theo chỉ tiêu phân đấu. Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả.

- Nghiên cứu xây dựng các mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, phát huy các mô hình giảm nghèo, các điển hình làm kinh tế giỏi; truyền thông, nhân rộng để người nghèo, hộ nghèo tiếp cận, làm theo giúp tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo.

- Phối hợp với các cấp, các ngành lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội với chương trình giảm nghèo bền vững; huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, vươn lên thoát nghèo.

- Thực hiện kịp thời, đúng, đầy đủ các chế độ chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện đối với cấp xã. Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 và báo cáo cơ quan chủ quản Chương trình để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

17. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam tỉnh và các tổ chức thành viên

- Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong việc vận động tham gia hỗ trợ công tác giảm nghèo bền vững của xã hội, cộng đồng; hướng dẫn các cấp hội, các địa phương lồng ghép phong trào thi đua "*Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*" với cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*".

- Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ các nguồn lực giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững; lồng ghép các chương trình mục tiêu, hoạt động của đơn vị mình nhằm tạo sức mạnh tổng hợp cho công tác giảm nghèo bền vững.

- Tham gia giám sát, kiểm tra đánh giá việc bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo; đảm bảo nguyên tắc công bằng, dân chủ, công khai từ cơ sở, khu dân cư. Giám sát các hoạt động thực hiện các chính sách, chương trình, dự án về giảm nghèo.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, chủ động ban hành kế hoạch triển khai thực hiện; gửi kết quả thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 30/11/2023 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023 của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các địa phương; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (*báo cáo năm trước ngày 05/12/2023*).

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH (b/c);
- Văn phòng quốc gia về giảm nghèo;
- UBND tỉnh: CT, các PCT;
- Các đơn vị nêu tại mục V;
- VPĐP CTMTQGGNBV tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, GD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục
PHÂN ĐẦU CHỈ TIÊU GIẢM NGHÈO CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 63/KH-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Tổng số hộ nghèo năm 2022	Tỷ lệ nghèo năm 2022	Số hộ nghèo giảm năm 2023 (Phân đầu)	Tổng số hộ nghèo còn lại năm 2023 (Phân đầu)	Tỷ lệ năm 2023 (Phân đầu)
	Toàn tỉnh	11.735	3,56	2.369	9.366	2,79
1	Thành phố Huế	1.392	1,07	135	1.257	0,95
2	Thị xã Hương Thủy	314	1,22	28	286	1,09
3	Thị xã Hương Trà	401	2,21	35	366	1,98
4	Huyện Phong Điền	860	2,86	122	738	2,46
5	Huyện Quảng Điền	686	2,61	43	643	2,40
6	Huyện Phú Lộc	1.139	2,74	67	1.072	2,53
7	Huyện Phú Vang	1.164	3,25	161	1.003	2,75
8	Huyện Nam Đông	380	5,30	146	234	3,20
9	Huyện A Lưới	5.399	38,20	1.632	3.767	26,13